

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH
PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH
ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249 /2022/DS- ST

Ngày: 06 - 9 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tú Nga

2. Ông Nguyễn Tấn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: **223/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022** về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2022/QĐXX - ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 224/2022/QĐST- DS ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T

Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi N, Phường 8, Quận 3, Tp. H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức H – Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – chi nhánh B (theo giấy ủy quyền số 68/2022/GUQ-CNBD ngày 15/3/2022).

Địa chỉ: 98 Mai Xuân T, Tp. Q, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 22, KV4, P. Đ, Tp. Q, tỉnh B

Trú tại: Hẻm 1149 Trần Hưng Đ, P. Đ, Tp. Q, tỉnh B

(Ông H có mặt, bà Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T, ông Trần Đức H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Đ có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – Chi nhánh B Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng vào ngày 09/01/2020. Căn cứ thu nhập của khách hàng, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.990.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.154.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ tháng 06/2021 bà Đ không tiếp tục thực hiện thanh toán nợ vay cho Ngân hàng nữa. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng của bà Đ vào ngày 22/08/2021 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 06/9/2022 bà Đ còn nợ Ngân hàng số tiền 25.381.895 đồng; trong đó: tiền gốc: 16.989.215 đồng và tiền lãi quá hạn 8.392.680 đồng

Do đó, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi còn nợ tạm tính đến ngày 06/9/2022 là 25.381.895 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà Đ không đến Tòa làm việc nên không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng và các Điều 117, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự. Đề nghị:

Chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T. Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền còn nợ tính đến ngày 06/9/2022 là 25.381.895 đồng; trong đó: tiền gốc: 16.989.215 đồng và tiền lãi quá hạn 8.392.680 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Đ, địa chỉ: Tổ 22, KV4, P. Đ, Tp. Q, tỉnh B (trú tại: Hẻm 1149 Trần Hưng Đ, P. Đ, Tp. Q, tỉnh B trả số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 09/01/2020 mà các bên đã ký kết với mục đích vay tiêu dùng nên quan hệ pháp luật được xác định: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc trường hợp tranh chấp về dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Tp. Q theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Đ nhưng bà Đ không đến Tòa làm việc. Tòa án kết hợp chính quyền địa phương đến nhà và nơi cư trú để tiến hành lấy lời khai nhưng bà Đ vắng mặt nên không lấy được lời khai. Trước khi xét xử, Tòa đã áp dụng các thủ tục theo quy định nhưng bà Đ không có mặt tại phiên tòa, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; đây là trường hợp cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 09/01/2020 bà Nguyễn Thị Đ có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – Chi nhánh B Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng. Căn cứ thu nhập của khách hàng, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 09/01/2020 do các bên tự nguyện giao kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức và nội dung của văn bản này không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.990.000 đồng, bà Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.154.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ tháng 06/2021 bà Đ không thực hiện thanh toán nợ vay cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Thời gian qua, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Đ không có thiện chí trả nợ. Do bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 22/08/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bà Đ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 06/9/2022 bà Đ còn nợ Ngân hàng số tiền 25.381.895 đồng; trong đó: tiền gốc: 16.989.215 đồng và tiền lãi quá hạn 8.392.680 đồng nên Ngân hàng yêu cầu bà Đ trả số tiền nợ gốc và tiền lãi còn nợ là có căn cứ phù hợp với quy định nên chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền gốc và lãi còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06/9/2022 là 25.381.895 đồng và tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 09/01/2020 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 1.269.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín không phải chịu nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06/9/2022 là 25.381.895 đồng (*hai mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi một nghìn, tám trăm chín mươi lăm đồng*); trong đó: tiền nợ gốc: 16.989.215 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 8.392.680 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 1.269.000 đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền tạm ứng án phí 538.000 đồng theo biên lai thu số 0003670 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q, tỉnh B.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 09/01/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 09/01/2020 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

5.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định

